

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II NĂM 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Thể kỷ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho quý II năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trung Vũ	Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Hưng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Vui	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Ủy viên
Ông Chu Hữu Chiến	Ủy viên
Ông Vương Văn Tường	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Hữu Chiến	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Hồi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho quý II năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và


BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Chu Hữu Chiến
Tổng Giám đốc.

Ngày 19 tháng 07 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,487,952,179,345	2,076,884,631,261
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	108,503,403,828	191,286,523,740
1. Tiền	111		108,503,403,828	45,286,523,740
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	146,000,000,000
				-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		250,000,000,000	219,999,989,852
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		250,000,000,000	219,999,989,852
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,808,767,245,596	1,614,999,498,995
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	541,978,372,795	776,787,053,350
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	12,224,096,094	148,479,254,550
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		57,760,700,000	67,956,985,782
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1,204,701,068,367	629,673,196,973
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(7,896,991,660)	(7,896,991,660)
III. Hàng tồn kho	140	9	1,291,156,246,172	31,839,994,113
1. Hàng tồn kho	141		1,291,156,246,172	31,839,994,113
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		29,525,283,749	18,758,624,561
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	5,655,368,539	9,767,827,023
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23,551,288,466	4,518,297,156
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		318,626,744	4,472,500,382
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,720,945,604,006	1,734,179,899,921
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,452,911,223,500	1,477,129,372,477
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		500,000,000,000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	952,911,223,500	1,477,129,372,477
II. Tài sản cố định	220		228,621,736,687	225,682,429,286
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	150,225,799,535	143,390,256,980
- Nguyên giá	222		186,515,920,879	173,760,240,038
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36,290,121,344)	(30,369,983,058)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		460,800,000	460,800,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(460,800,000)	(460,800,000)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	78,395,937,152	82,292,172,306
- Nguyên giá	228		127,494,634,810	117,457,634,810
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49,098,697,658)	(35,165,462,504)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		6,756,785,594	6,912,603,951
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	6,756,785,594	6,912,603,951
IV. Tài sản dài hạn khác	260		32,655,858,225	24,455,494,207
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	32,655,858,225	24,455,494,207
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5,208,897,783,351	3,811,064,531,182

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, tòa B Sky City, số 88 Láng Hạ,
phường Láng Hạ, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2,930,041,572,045	1,766,766,674,128
I. Nợ ngắn hạn	310		1,976,346,052,265	1,314,879,277,581
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	123,902,408,198	155,391,702,661
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	36,325,297,157	91,284,892,994
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	16	104,777,799,864	119,196,192,228
4. Phải trả người lao động	314		81,999,463,781	87,216,717,607
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	95,327,708,107	48,769,412,532
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6,067,486,453	8,391,508,988
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	297,199,064,957	396,393,740,497
8. Vay ngắn hạn	320	19	1,186,917,456,582	370,880,740,439
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		43,829,367,166	37,354,369,635
II. Nợ dài hạn	330		953,695,519,780	451,887,396,547
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	3,695,519,780	1,887,396,547
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	950,000,000,000	450,000,000,000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,278,856,211,306	2,044,297,857,054
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	2,278,856,211,306	2,044,297,857,054
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		959,999,080,000	800,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		959,999,080,000	800,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		150,000,000,000	150,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		54,125,000,000	45,243,750,000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(1,080,000)	(1,080,000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		98,140,899,213	69,420,028,780
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		980,710,691,125	950,113,944,684
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		730,326,683,357	656,348,804,280
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		250,384,007,768	293,765,140,404
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		35,881,620,968	29,521,213,590
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5,208,897,783,351	3,811,064,531,182


Nguyễn Công Sơn
Người lập biểu


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng




Chu Hữu Chiến
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 07 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, tòa B Sky City, số 88 Láng Hạ,
phường Láng Hạ, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý II năm 2021

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II	
			Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1,786,343,163,303	436,133,945,065	3,827,220,391,783	710,793,060,564
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		142,095,163,636	-	142,095,163,636	4,952,054,545
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1,644,247,999,667	436,133,945,065	3,685,125,228,147	705,841,006,019
4. Giá vốn hàng bán	11	23	1,369,402,380,447	256,289,011,835	3,149,529,938,370	418,722,206,007
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		274,845,619,220	179,844,933,230	535,595,289,777	287,118,800,012
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	12,041,066,173	3,702,872,176	18,929,722,703	8,598,929,624
7. Chi phí tài chính	22		42,102,911,874	556,626,482	49,692,051,914	2,776,211,582
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		42,102,911,874	556,626,482	49,692,051,914	2,776,211,582
8. Chi phí bán hàng	25	24	29,761,890,602	13,659,549,922	72,543,257,806	22,872,286,699
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	53,273,095,165	46,904,281,778	114,297,692,654	93,654,725,597
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		161,748,787,752	122,427,347,224	317,992,010,106	176,414,505,758
11. Thu nhập khác	31		1,132,369,298	(70,698,208)	1,219,316,154	464,090,909
12. Chi phí khác	32		1,161,909,212	221,397,610	3,133,322,831	400,512,980
13. (Lỗ)/ Lãi khác (40 = 31 - 32)	40		(29,539,914)	(292,095,818)	(1,914,006,677)	63,577,929
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		161,719,247,838	122,135,251,406	316,078,003,429	176,478,083,687
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	33,346,837,378	25,458,549,090	65,022,043,516	37,532,458,458
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(225,235,419)	-	(225,235,419)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		128,372,410,460	96,901,937,735	251,055,959,913	139,170,860,648
17.1. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ			127,151,581,292	90,377,091,645	250,384,007,768	133,629,972,476
17.2. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát			1,220,829,168	6,524,846,090	671,952,145	5,540,888,172
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1,324	1,129	2,608	1,670


Nguyễn Công Sơn
Người lập biểu


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng


Chu Hữu Chiến
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 07 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, tòa B Sky City, số 88 Láng Hạ,
phường Láng Hạ, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Quý II năm 2021

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý II	
			Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		161,719,247,838	122,135,251,406	316,078,003,429	176,478,083,687
2. Điều chỉnh cho các khoản						
- Khấu hao TSCĐ	02		10,753,914,727	8,712,741,192	20,551,181,934	16,000,181,931
- Các khoản dự phòng	03		-	(269,999,999)	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12,041,066,173)	(4,358,806,339)	(18,929,722,703)	(8,598,929,624)
- Chi phí lãi vay	06		42,102,911,874	556,626,482	49,692,051,914	2,776,211,582
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		202,535,008,266	126,775,812,742	367,391,514,574	186,655,547,576
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		261,697,579,522	15,371,024,615	290,254,106,446	44,801,022,304
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(683,608,277,681)	114,497,030,310	(1,259,316,252,059)	100,627,218,300
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(359,945,264,684)	9,111,531,357	(166,170,938,317)	(38,772,219,530)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,508,801,184)	11,917,363,043	(4,087,905,534)	23,254,209,204
- Tiền lãi vay đã trả	14		(42,102,911,874)	(556,626,482)	(49,692,051,914)	(2,776,211,582)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(19,566,673,726)	(26,612,279,773)	(58,551,412,879)	(41,104,809,340)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3,066,207,272)	(9,866,253,801)	(4,710,370,231)	(11,300,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(646,565,548,633)	240,637,602,011	(884,883,309,914)	261,384,756,932
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(8,553,651,022)	(10,921,747,636)	(13,062,524,478)	(26,756,744,236)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(534,735,418,548)	(150,000,000,000)	(1,448,248,616,613)	(195,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		555,859,614,620	-	928,444,892,247	35,000,000,000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12,041,066,173	3,702,872,176	18,929,722,703	8,598,929,624
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		24,611,611,223	(152,218,875,460)	(513,936,526,141)	(178,157,814,612)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ đi vay	33		2,391,792,949,193	67,052,093,111	4,325,223,841,365	78,869,804,252
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,948,468,422,774)	(107,906,126,674)	(3,009,187,125,222)	(152,706,126,674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		443,324,526,419	(40,854,033,563)	1,316,036,716,143	(73,836,322,422)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(178,629,410,991)	47,564,692,988	(82,783,119,912)	9,390,619,898
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		287,132,814,819	129,345,475,400	191,286,523,740	167,519,548,490
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		108,503,403,828	176,910,168,388	108,503,403,828	176,910,168,388


Nguyễn Công Sơn
Người lập biểu


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng




Chu Hữu Chiến
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 07 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, tòa B Sky City , số 88 Láng Hạ,
phường Láng Hạ, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bất động sản Thế kỷ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0101160306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 8 năm 2001, thay đổi lần thứ 19 ngày 19 tháng 01 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1, tòa B Sky City, số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty và các công ty con bao gồm:

- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản, mua bán vật liệu xây dựng;
- Đầu tư, tư vấn, môi giới các dịch vụ tài chính;
- Môi giới thương mại; và
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Cung cấp dịch vụ khai thác giá trị gia tăng trên mạng internet và viễn thông;
- Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí); và
- Hoạt động môi giới bản quyền, tư vấn dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng .

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 07 công ty con. Thông tin khái quát về các công ty con của Công ty như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH TMĐT Ngôi Nhà Thế Kỷ	Hà Nội	100.00%	100.00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, quản lý, quảng cáo bất động sản
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi Sao Mới	Hà Nội	80.00%	80.00%	Cung cấp dịch vụ khai thác giá trị gia tăng trên mạng internet, quảng cáo, tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị trường
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	80.00%	80.00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, quản lý, quảng cáo bất động sản
Công ty Cổ phần M&I Thế Kỷ	Hà Nội	51.00%	51.00%	Môi giới bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; Tư vấn và quản lý bất động sản; Tư vấn quản lý; Dịch vụ hỗ trợ tài chính.
Công ty TNHH Cen Cuckoo	Hà Nội	100.00%	100.00%	Dịch vụ Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Thương hiệu CEN	Hà Nội	100.00%	100.00%	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Công ty CP Cen Academy	Hà Nội	56.00%	56.00%	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các khóa dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Giáo dục khác chưa được phân vào đầu (Trừ hoạt động của các tổ chức Đảng, tôn giáo)

Các công ty con gián tiếp được hợp nhất gián tiếp qua Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Thương hiệu CEN là:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty CP Cen Housing	TP Hà Nội, Việt Nam	51.00%	51.00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Vĩnh Phúc	tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	51.00%	51.00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Miền Trung	TP Đà Nẵng, Việt Nam	51.00%	51.00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty CP Cen Bắc Ninh	tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	51.00%	51.00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Thanh Hóa	tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	59.00%	59.00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Hải Phòng	TP Hải Phòng, Việt Nam	51.00%	51.00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Nghệ An	tỉnh Nghệ An, Việt Nam	80.00%	80.00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Hưng Yên	tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	51.00%	51.00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	51.00%	51.00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Quảng Ninh	tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	51.00%	51.00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Stay	TP Hà Nội, Việt Nam	51.00%	51.00%	Thương mại điện tử; Dịch vụ du lịch, lưu trú; Môi giới, tư vấn bất động sản; Các nhóm ngành liên quan khác.
Công ty CP Cen Zone	TP Hà Nội, Việt Nam	75.00%	75.00%	Hoạt động tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
Công ty Cổ phần Cen Bình Định	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	51.00%	51.00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty cổ phần Cen Đông Bắc	tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	51.00%	51.00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty cổ phần Cen Bình Thuận	tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	51.00%	51.00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho quý II năm 2021.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho quý II năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lãi từ giao dịch mua rẻ

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của các công ty con tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu phản ánh giá trị các hàng hóa bất động sản hình thành từ các dự án kinh doanh bất động sản do Công ty mua lại từ các chủ đầu tư, các hàng hóa bất động sản này sẽ được bán dưới hình thức chuyển giao quyền sở hữu cho người mua. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp để có được hàng hóa bất động sản ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ này (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc thiết bị	3
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác. Các tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa văn phòng, và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	37,558,155,741	11,926,743,234
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	69,945,248,087	33,359,780,506
Tiền gửi tiết kiệm	1,000,000,000	146,000,000,000
	108,503,403,828	191,286,523,740

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land	712,824,658	179,594,049,402
Công ty Cổ phần Bitexco	40,147,896,984	14,507,230,145
Công Ty Cổ Phần VMF	38,701,671,320	37,210,163,320
Công ty CP Đạt Phương Hội An	36,487,401,595	1,750,056,696
Công ty CP Hồng Lam Xuân Thành	12,901,617,508	21,276,232,449
Công ty cổ phần phát triển đô thị quốc tế Việt Nam	18,019,203,300	3,934,319,728
Công ty TNHH kinh doanh Bất Động Sản MIKHOME	18,094,187,383	4,008,771,382
Công ty cổ phần Khai Sơn	16,820,103,793	3,250,519,670
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	10,439,777,205	7,809,296,719
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Him Lam	15,174,003,720	3,217,473,693
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TOÀN THỊNH LAND	16,330,673,951	-
Công ty CP đầu tư phát triển đô thị Kiến Hưng	-	11,868,816,655
Công ty TNHH Gamuda Land Việt Nam	11,098,901,031	11,118,604,473
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Thế Kỷ	29,900,667,179	54,979,714,525
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bình Minh	99,277,919,985	105,370,043,337
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN TPH	16,182,077,736	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	161,689,445,447	316,891,761,156
	541,978,372,795	776,787,053,350
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	35,472,838,383	58,307,419,064

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty cổ phần thiết kế đầu tư xây dựng và thương mại NGP	847,177,631	-
Công ty cổ phần C - Holdings	4,437,922,500	142,991,145,000
Công ty TNHH MSP	415,920,602	-
Các đối tượng khác	6,523,075,361	5,488,109,550
	12,224,096,094	148,479,254,550
Trả trước người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	74,999,998	74,999,998

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu về cho vay	57,760,700,000	67,956,985,782
Công ty Cổ phần Dịch vụ và đầu tư Trustlink	-	-
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng Đại Nam Sơn	3,760,700,000	3,760,700,000
Công ty CP Bất động sản Galaxy	-	63,000,000,000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Thế Kỷ	54,000,000,000	1,196,285,782
	57,760,700,000	67,956,985,782
Phải thu cho vay là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	54,000,000,000	1,196,285,782
Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và đầu tư Trustlink	500,000,000,000	-
	500,000,000,000	-

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh (i)	32,237,236,577	50,738,019,376
Công ty CP Bất Động Sản Galaxy Land (ii)	810,950,000,000	295,000,000,000
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SAO VÀNG	-	25,000,000,000
Tạm ứng cho nhân viên	125,095,516,621	54,936,874,106
Ký quỹ, ký cược	145,101,705,663	165,760,960,705
Phải thu khác	91,316,609,506	38,237,342,786
	1,204,701,068,367	629,673,196,973
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược (iii)	952,911,223,500	1,477,129,372,477
<i>Trong đó:</i>		
- Tiền đảm bảo làm tổng đại lý phân phối các dự án	946,762,486,040	1,467,879,482,540
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	657,950,299,008	757,950,299,008
+ Công ty TNHH Gamuda Land Vietnam	17,042,187,032	17,042,187,032
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ khách sạn Soleil	22,550,000,000	22,550,000,000
+ Công ty Cổ phần Khai Sơn	1,500,000,000	1,800,000,000
+ Công ty Cổ phần Veracity	7,150,000,000	7,900,000,000
+ Công ty CP Bất Động Sản Galaxy Land	-	184,500,000,000
+ Công ty Cổ phần Bitexco	15,000,000,000	33,500,000,000
+ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG	-	364,877,996,500
+ Công ty CP Tid	50,000,000,000	-
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị Hoàng Mai	50,000,000,000	-
+ Công ty CP Đạt Phương Hội An	47,900,000,000	900,000,000
+ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ BÌNH MINH	21,000,000,000	21,000,000,000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	25,000,000,000	25,000,000,000
+ Các đối tượng khác	31,670,000,000	30,859,000,000
- Ký cược, ký quỹ khác	6,148,737,460	9,249,889,937
	952,911,223,500	1,477,129,372,477
Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	571,450,299,008	757,950,299,008

- (i) Phản ánh giá trị tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án xây dựng làng Việt kiều quốc tế tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ký ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh. Theo điều khoản Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty sẽ hợp tác góp vốn cùng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh để đầu tư triển khai các thủ tục pháp lý của Dự án, thi công hạ tầng và xây thô theo quy hoạch được phê duyệt và kinh doanh đối với 45 lô đất thuộc Dự án ("phần Dự án hợp tác"). Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh chịu trách nhiệm đối với toàn bộ công tác triển khai, xây dựng dự án; Công ty sẽ chịu trách nhiệm góp vốn bằng tiền và chịu trách nhiệm đối với công tác bán toàn bộ sản phẩm bất động sản của phần Dự án hợp tác. Khoản tiền góp vốn này sẽ được Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh hoàn trả cho Công ty hoặc Công ty khấu trừ, thu hồi bằng cách giữ lại khoản tiền thanh toán từ các khách hàng mua sản phẩm của Dự án này.

Doanh thu bán hàng tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất của các lô đất tính theo đơn giá 25 triệu VND/m² thuộc về Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh, phần doanh thu bán hàng tính từ đơn giá 25 triệu VND/m² đến đơn giá bán thực tế trừ đi chi phí xây dựng nhà sẽ được coi là doanh thu của Công ty, đồng thời Công ty chịu các khoản chi phí liên quan đến công tác bán hàng và chi phí xây dựng nhà thuộc phần Dự án hợp tác.

- (ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 30122020 ngày 30/12/2020 và Hợp đồng hợp tác đầu tư số 08042021/HĐHTĐT/GLX-CRE-TL giữa Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land (Galaxy Land), Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Trustlink (Trustlink) và Công ty Cổ phần Bất động sản Thế kỷ (Cen Land)

- Mục đích hợp tác đầu tư: hợp tác đầu tư và kinh doanh đối với các bất động sản thuộc Dự án khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ do Công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị Hoàng Mai làm chủ đầu tư.
- Nội dung hợp tác: thanh toán tiền đặt cọc cho Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị Hoàng Mai theo hợp đồng môi giới giữa Chủ đầu tư này và Galaxy.
- Tỷ lệ góp: Trustlink góp 30%, Cen Land và Galaxy góp 70%.
- Phương án phân chia kết quả kinh doanh: mỗi bên sẽ được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào cuối kỳ hợp tác đầu tư hoặc khi Galaxy và Cen Land đã phân phối hết các sản phẩm thuộc Dự án và nhận được toàn bộ doanh thu hoặc được tạm ứng.
- Thời hạn hợp tác đầu tư: dự kiến là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác đầu tư.

- (iii) Chủ yếu bao gồm các khoản tiền đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng mà Công ty đã trả cho các chủ đầu tư, để thực hiện vai trò tổng đại lý phân phối sản phẩm bất động sản hình thành từ các dự án

9. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	8,166,991,660	270,000,000	8,166,991,660	270,000,000
a) Quá hạn trên 3 năm				
Công ty TNHH Địa ốc Gia Phú	5,391,000,324	-	5,391,000,324	-
Công ty TNHH Giải pháp và Công nghệ An Thịnh	384,300,000	-	384,300,000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tây Hồ	106,244,294	-	106,244,294	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Long	60,615,000	-	60,615,000	-
Công ty Cổ phần TID	343,870,941	-	343,870,941	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	39,683,691	-	39,683,691	-
b) Quá hạn từ 1 năm đến dưới 3 năm				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	45,898,815	-	45,898,815	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	1,740,000,000	270,000,000	1,740,000,000	270,000,000
Công ty Cổ phần dịch vụ Bất động sản Sao Việt	55,378,595	-	55,378,595	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa bất động sản (i)	1,285,909,945,278	-	26,937,628,668	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5,246,300,894	-	4,902,365,445	-
Cộng	1,291,156,246,172	-	31,839,994,113	-

(i) Phản ánh giá trị các bất động sản bao gồm các căn hộ, đất nền Công ty mua từ chủ đầu tư để thực hiện kinh doanh bán lại.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	365,810,252	677,777,422
Chi phí sửa chữa văn phòng	1,007,912,667	305,515,970
Chi phí thuê văn phòng	2,203,533,078	1,731,282,870
Chi phí khác	2,078,112,542	7,053,250,761
	5,655,368,539	9,767,827,023
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	3,681,439,306	2,732,770,850
Chi phí sửa chữa văn phòng	19,660,485,999	21,042,311,893
Chi phí trả trước dài hạn khác	9,313,932,920	680,411,464
	32,655,858,225	24,455,494,207

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu kỳ	116,369,091,412	1,121,602,727	40,969,342,859	15,300,203,040	173,760,240,038
Mua sắm mới	4,225,743,552	284,454,545	9,016,098,636	529,773,199	14,056,069,932
Giảm khác	-	-	(1,300,389,091)	-	(1,300,389,091)
Số cuối kỳ	120,594,834,964	1,406,057,272	48,685,052,404	15,829,976,239	186,515,920,879
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu kỳ	7,858,873,439	370,545,673	14,743,323,730	7,397,240,216	30,369,983,058
Trích khấu hao trong kỳ	2,637,203,496	118,469,896	2,639,300,767	1,222,972,621	6,617,946,780
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(697,808,494)	-	(697,808,494)
Số cuối kỳ	10,496,076,935	489,015,569	16,684,816,003	8,620,212,837	36,290,121,344
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số cuối kỳ	110,098,758,029	917,041,703	32,000,236,401	7,209,763,402	150,225,799,535
Số đầu kỳ	108,510,217,973	751,057,054	26,226,019,129	7,902,962,824	143,390,256,980

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu kỳ	7,880,275,768	109,146,011,769	431,347,273	117,457,634,810
Mua sắm mới	-	9,985,000,000	-	9,985,000,000
Tăng khác	-	52,000,000	-	52,000,000
Số cuối kỳ	7,880,275,768	119,183,011,769	431,347,273	127,494,634,810
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu kỳ	-	34,735,411,407	430,051,097	35,165,462,504
Trích khấu hao trong kỳ	-	13,931,938,978	1,296,176	13,933,235,154
Tăng khác	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	48,667,350,385	431,347,273	49,098,697,658
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số cuối kỳ	7,880,275,768	70,515,661,384	-	78,395,937,152
Số đầu kỳ	7,880,275,768	74,410,600,362	1,296,176	82,292,172,306

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
- Mua sắm (i)	3,050,900,478	6,724,529,594
- Xây dựng cơ bản	3,705,885,116	188,074,357
	6,756,785,594	6,912,603,951

(i) Phản ánh giá trị của phần mềm quản lý Công ty đang xây dựng để đưa vào sử dụng trong thời gian tới.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Truyền Thông Đức Vinh	869,031,566	869,031,566	1,885,511,971	1,885,511,971
Công ty CP Truyền thông Alo	1,050,000,000	1,050,000,000	1,650,000,000	1,650,000,000
Công Ty CP Đầu Tư T&A	1,224,582,520	1,224,582,520	1,224,582,520	1,224,582,520
Công ty CP Tập đoàn Thế Kỳ	9,620,071,029	9,620,071,029	10,116,890,045	10,116,890,045
Công ty CP Công nghệ Quốc Tế G-Tech	9,985,000,000	9,985,000,000	10,908,704,000	10,908,704,000
Công ty cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	-	-	33,306,512,000	33,306,512,000
Công ty CP Bất Động Sản Galaxy Land	3,759,569,235	3,759,569,235	6,676,317,605	6,676,317,605
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Thế Kỳ	25,241,567,466	25,241,567,466	20,455,216,257	20,455,216,257
Các đối tượng khác	72,152,586,382	72,152,586,382	69,167,968,263	69,167,968,263
	123,902,408,198	123,902,408,198	155,391,702,661	155,391,702,661
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	42,123,417,093	42,123,417,093	73,195,385,919	73,195,385,919

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Mỹ Đình	9,572,124,801	9,572,124,801
Công ty CP Xây lắp Sunshine E&C	2,673,472,536	2,475,700,564
Công ty CP BĐS Galaxy Land	14,581,911,706	28,670,141,253
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Sunshine	3,082,155,116	1,073,972,647
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG	-	42,332,633,500
Các đối tượng khác	6,415,632,998	7,160,320,229
	36,325,297,157	91,284,892,994
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	-	-

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	<u>Phát sinh trong kỳ</u>			
	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	24,531,024,664	15,200,474,617	29,254,749,412	10,476,749,869
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39,351,008,467	65,485,535,439	58,551,412,879	46,285,131,027
Thuế thu nhập cá nhân	55,154,779,423	57,260,813,643	64,403,258,307	48,012,334,759
Các loại thuế khác	159,379,674	701,232,954	857,028,419	3,584,209
Cộng	119,196,192,228	138,648,056,653	153,066,449,017	104,777,799,864

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Chi phí môi giới phải trả cho sàn liên kết	50,720,435,749	41,686,759,998
Chi phí phải trả khác	44,607,272,358	7,082,652,534
	95,327,708,107	48,769,412,532

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	428,512,411	428,512,411
Bảo hiểm xã hội	1,249,643,178	499,326,526
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16,786,429,303	7,973,864,303
Tiền đặt cọc mua căn hộ (i)	145,007,155,356	386,040,585,607
Phải trả khác	133,727,324,709	1,451,451,650
	297,199,064,957	396,393,740,497
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3,695,519,780	1,887,396,547
	3,695,519,780	1,887,396,547

(i) Phản ánh số tiền đặt cọc mua căn hộ, liền kề, biệt thự... của các khách hàng tại các dự án do Công ty phân phối.

20. VAY NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1,186,917,456,582	370,880,740,439
Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản Galaxy Land	30,000,000,000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà (i)	662,241,947,784	207,930,740,439
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà (Vay thấu chi)	102,212,009,556	127,950,000,000
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thanh Xuân	108,997,499,242	-
Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Đống Đa (ii)	35,000,000,000	35,000,000,000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Thế Kỷ	248,466,000,000	-
	1,186,917,456,582	370,880,740,439
Vay dài và nợ thuê tài chính dài hạn		
Công ty CP chứng khoán VNDIRECT (iii)	950,000,000,000	450,000,000,000
	950,000,000,000	450,000,000,000

(i) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Hà theo:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 03/2020/352851/HĐTD ngày 06 tháng 7 năm 2020 với hạn mức 150 tỷ đồng được sử dụng: bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ cho hoạt động môi giới bất động sản (chi phí hoa hồng trả sàn liên kết) và các chi phí quản lý doanh nghiệp (tiền lương, thưởng...); chi phí bán hàng (marketing, quảng cáo, truyền thông...) không bao gồm nhu cầu vay vốn kinh doanh bất động sản thứ cấp, hợp tác đầu tư bất động sản. Ngày rút vốn lần đầu là ngày 29 tháng 7 năm 2020, số tiền 24,5 tỷ đồng để thanh toán hoa hồng cho sàn liên kết. Thời hạn vay 6 tháng, ngày đáo hạn là ngày 29 tháng 01 năm 2021. Lãi suất vay cố định 7.6%/năm.

Tài sản đảm bảo của khoản vay:

- Căn hộ B0607 Tòa B - Tòa nhà Sky city Tower 88 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP Hà Nội;
- 03 (Ba) căn Shop House Dự án The K Park;
- 02 (Hai) sàn dịch vụ tại ô C11-ODK4, Khu chung cư @Homes thuộc Dự án Khu nhà ở xã hội, P.Yên Sở, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Căn B2406, tòa B - Tòa nhà Sky city Tower 88 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP Hà Nội;
- 05 (Năm) sàn kinh doanh dịch vụ, thương mại tại Khu chung cư cao tầng CT7 - Dự án tổ hợp chung cư cao tầng - NCG Residential, Khu đô thị mới Dương Nội, P.Dương Nội, Q.Hà Đông, TP Hà Nội;
- Hợp đồng tín dụng số 01/2021/352851/HĐTD ngày 25 tháng 02 năm 2021 với hạn mức 1.272 tỷ đồng với mục đích: bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ Phương án nhận chuyển nhượng 65 căn biệt thự, 12 căn liền kề tại khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ - Louis City Hoàng Mai do Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị Hoàng Mai làm chủ đầu tư.
- Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay: 28 căn biệt thự, liền kề tại khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ - Louis City Hoàng Mai do Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị Hoàng Mai làm chủ đầu tư. Mỗi lần giải ngân vốn vay hai bên sẽ thống nhất cụ thể tài sản đưa vào để đưa vào thế chấp.
- Thời hạn vay tối đa 12 tháng với từng lần rút vốn.

- Lãi suất: áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày đầu tiên hàng quý trong năm theo thông báo lãi suất của Ngân hàng.
 - Khoản rút vốn lần đầu là ngày 25 tháng 02 năm 2021, số tiền: 97.973.778.000 VNĐ, lãi suất: 8%/năm.
- (ii) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 92/2020/HĐCVHM/NHCT126-BĐS THẾ KỶ ngày 17 tháng 12 năm 2020 với hạn mức 35 tỷ VNĐ được sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh môi giới bất động sản. Ngày rút vốn lần đầu là ngày 24 tháng 12 năm 2020, số tiền: 16,06 tỷ VNĐ để chi trả thù lao cho người lao động, thời hạn vay 6 tháng, ngày đáo hạn là ngày 24 tháng 6 năm 2021. Lãi suất vay: 5,1%/năm.

Tài sản đảm bảo của khoản vay:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 20 (1p); tờ bản đồ số 14. Địa chỉ: tổ 17, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội;
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 20 (1p); tờ bản đồ số 14. Địa chỉ: số 68, ngõ 26, Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội;
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 20 (1p); tờ bản đồ số 14. Địa chỉ: số 66, ngõ 26, Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội;
- Đây là các TS thuộc sở hữu của bên thứ 3 là CT CP Đầu tư Lilaha.
- (iii) Phát hành trái phiếu riêng lẻ gồm:
- Phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT với mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư thứ cấp các Dự án bất động sản, cho vay để góp vốn vào các Dự án bất động sản. Theo đó:
 - Tổng giá trị phát hành: 450 tỷ VNĐ;
 - Mệnh giá: 100.000 VNĐ/trái phiếu;
 - Kỳ hạn trái phiếu: 3 năm kể từ ngày phát hành;
 - Lãi suất: năm đầu tiên cố định 10,5%/năm. Các năm sau: thả nổi được điều chỉnh 12 tháng/lần và được xác định bằng bình quân lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng gồm: ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (Sở giao dịch) + 4%/năm. Tuy nhiên lãi suất thả nổi này không thấp hơn 10,5%/năm.
 - Phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT với mục đích tăng quy mô vốn hoạt động nhằm mở rộng các hoạt động kinh doanh hiện hữu, đầu tư các dự án mới và cá mục đích hợp pháp khác. Theo đó:
 - Tổng giá trị phát hành: 500 tỷ VNĐ;
 - Mệnh giá: 100.000 VNĐ/trái phiếu;
 - Kỳ hạn trái phiếu: 3 năm kể từ ngày phát hành: 26/3/2021;
 - Lãi suất: cố định 11%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THỂ KỶ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2020								
Số dư đầu năm trước	800,000,000,000	150,000,000,000	(1,080,000)	66,560,395,434	9,243,750,000	807,951,648,079	64,265,043,676	1,898,019,757,189
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	133,629,972,476	5,540,888,172	139,170,860,648
Trích lập các quỹ	-	-	-	38,624,097,768	-	(38,624,097,768)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(27,036,868,435)	(391,917,051)	(27,428,785,486)
Khác	-	-	-	-	-	444,172,297	(441,455,336)	2,716,961
Số dư cuối năm trước	800,000,000,000	150,000,000,000	(1,080,000)	105,184,493,202	9,243,750,000	876,364,826,649	68,972,559,461	2,009,764,549,312
Kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2021								
Số dư đầu năm này	800,000,000,000	150,000,000,000	(1,080,000)	69,420,028,780	45,243,750,000	950,113,944,684	29,521,213,590	2,044,297,857,054
Phát hành cổ phiếu	159,999,080,000	-	-	-	-	-	-	159,999,080,000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	250,384,007,768	671,952,145	251,055,959,913
Trích lập các quỹ	-	-	-	28,720,870,433	-	(33,407,942,957)	(435,274,814)	(5,122,347,338)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(13,408,400,308)	-	(13,408,400,308)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(159,999,080,000)	-	(159,999,080,000)
Khác	-	-	-	-	8,881,250,000	(12,971,838,062)	6,123,730,047	2,033,141,985
Số dư cuối năm này	959,999,080,000	150,000,000,000	(1,080,000)	98,140,899,213	54,125,000,000	980,710,691,125	35,881,620,968	2,278,856,211,306

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, số cổ phiếu đang lưu hành như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	95,999,908	80,000,000
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	108	108
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	95,999,800	79,999,892
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

22. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Công ty tổ chức các hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực trên cơ sở các công ty con hoạt động tương đối riêng biệt.

Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm các bộ phận như sau:

- Các dịch vụ liên quan đến môi giới bất động sản;
- Các dịch vụ khác;

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Kết quả kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021

	Dịch vụ môi giới và đầu tư bất động sản	Dịch vụ khác	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Tổng doanh thu thuần	3,905,460,764,831	52,828,634,195	(273,164,170,879)	3,685,125,228,147
Chi phí kinh doanh	3,558,278,254,670	51,256,805,039	(273,164,170,879)	3,336,370,888,830
- Giá vốn hàng bán	3,384,934,920,814	34,348,745,744	(269,753,728,188)	3,149,529,938,370
- Chi phí bán hàng	72,531,369,806	11,888,000	-	72,543,257,806
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	100,811,964,050	16,896,171,295	(3,410,442,691)	114,297,692,654
Kết quả hoạt động kinh doanh	347,182,510,161	1,571,829,156	-	348,754,339,317
Doanh thu hoạt động tài chính				18,929,722,703
Chi phí tài chính				49,692,051,914
Lỗ/Lãi khác				(1,914,006,677)
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp				316,078,003,429
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				65,022,043,516
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				251,055,959,913

Kết quả kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020

	Dịch vụ môi giới và đầu tư bất động sản	Dịch vụ khác	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Tổng doanh thu thuần	659,792,218,602	46,048,787,417		705,841,006,019
Chi phí kinh doanh	711,163,954,814	30,563,975,610	(206,478,712,121)	535,249,218,303
- Giá vốn hàng bán	598,498,966,116	21,021,178,242	(200,797,938,351)	418,722,206,007
- Chi phí bán hàng	26,332,014,134	-	(3,459,727,435)	22,872,286,699
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	86,332,974,564	9,542,797,368	(2,221,046,335)	93,654,725,597
Kết quả hoạt động kinh doanh	(51,371,736,212)	15,484,811,807	-	170,591,787,716
Doanh thu hoạt động tài chính				8,598,929,624
Chi phí tài chính				2,776,211,582
Lỗ/Lãi khác				63,577,929
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp				176,478,083,687
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				37,532,458,458
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(225,235,419)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				139,170,860,648

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,827,220,391,783	710,793,060,564
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu môi giới bất động sản	855,534,150,553	481,330,231,327
Doanh thu đầu tư bất động sản	2,941,870,028,036	183,414,041,820
Doanh thu dịch vụ quảng cáo, tổ chức sự kiện	8,184,217,265	2,707,355,508
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng và doanh thu hoạt động khác	21,631,995,929	43,341,431,909
	3,827,220,391,783	710,793,060,564
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	13,023,687,268	129,651,828,944
Các khoản giảm trừ doanh thu	142,095,163,636	4,952,054,545
Giảm trừ Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	142,095,163,636	4,952,054,545
	142,095,163,636	4,952,054,545

Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lãi cho vay	6,168,118,143	4,240,123,285
Lãi tiền gửi	10,113,196,096	4,358,806,339
Lãi đầu tư trái phiếu	2,648,408,464	-
	18,929,722,703	8,598,929,624

24. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Giá vốn môi giới bất động sản	635,124,780,987	241,014,993,202
Giá vốn đầu tư bất động sản	2,497,079,097,740	150,399,311,728
Giá vốn dịch vụ quảng cáo, tổ chức sự kiện	6,872,944,634	1,621,508,709
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng và khác	10,453,115,009	25,686,392,368
	3,149,529,938,370	418,722,206,007

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	250,384,007,768	133,629,972,476
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)		
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	250,384,007,768	133,629,972,476
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	95,999,800	79,999,892
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2,608	1,670
KQKD		

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế kỷ	Công ty mẹ của Công ty
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thế kỷ	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế Kỷ	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thế kỷ	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế kỷ	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	Cùng tập đoàn
và các thành viên thuộc Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và người liên quan	

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản	8,151,399,137	126,380,921,986
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế kỷ	26,425,010	1,107,848
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế kỷ	960,680,080	767,758,945
Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	3,260,130,169	2,160,289,712
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thế kỷ	625,052,872	341,750,453
	13,023,687,268	129,651,828,944

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THỂ KỶ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Doanh thu tài chính - Lãi vay

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản	905,424,609	2,395,821,917
	905,424,609	2,395,821,917

Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp

Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thể kỷ	671,222,996	155,193,023
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thể kỷ	16,381,127,446	2,806,321,051
Công ty Cổ phần dịch vụ gia tăng BĐS Thể Kỷ	-	355,721,111
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thể kỷ	-	-
Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	8,251,481,627	7,080,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thể Kỷ	265,138,166,957	45,947,467,874
	290,441,999,026	49,271,783,059

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thể kỷ	10,835,931,885	592,226,438
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản	19,658,449,666	54,979,714,525
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thể kỷ	112,291,460	200,122,363
Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	3,489,573,335	1,524,960,248
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thể kỷ	6,534,000	6,534,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thể kỷ	1,370,058,037	1,003,861,490
	35,472,838,383	58,307,419,064
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thể kỷ	9,620,071,029	14,031,908,566
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thể kỷ	2,909,251,698	5,401,749,096
Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	4,352,526,900	33,306,512,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thể Kỷ	25,241,567,466	20,455,216,257
	42,123,417,093	73,195,385,919

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	571,450,299,008	757,950,299,008
	571,450,299,008	757,950,299,008
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	54,000,000,000	1,196,285,782
	54,000,000,000	1,196,285,782
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thế kỷ	74,999,998	74,999,998
	74,999,998	74,999,998



Nguyễn Công Sơn
Người lập biểu



Lê Thị Lan
Kế toán trưởng



Chu Hữu Chiến
Tổng Giám đốc



Ngày 19 tháng 07 năm 2021